



Thứ ba, ngày 8 tháng 1 năm 2019

## Vietnam Daily Review

Thanh khoản giảm mạnh

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                    | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|--------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 9/1/2019      |          | •         |          |
| Tuần 7/1-11/1/2019 |          | •         |          |
| Tháng 1/2019       |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index giảm mạnh trong phiên sáng, đã giảm thu hẹp trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+1.18 điểm); VCB (+0.44 điểm); MSN (+0.28 điểm); BHN (+0.16 điểm); YEG (+0.14 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm NVL (-1.2 điểm); VNM (-0.53 điểm); PLX (-0.44 điểm); HPG (-0.32 điểm); BID (-0.31 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu giáo dục và nhựa, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 1656.5 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 8.2 điểm. Thị trường có 118 mã tăng và 162 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 2.2 điểm, đóng cửa tại 887.44 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.66 điểm xuống 101.27 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 79.45 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã CTG (61.4 tỷ), VIC (27.5 tỷ) và NVL(25.7 tỷ). Tuy nhiên, họ mua ròng 5.89 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Chỉ số VN-Index trong phiên sáng giảm mạnh với lực bán áp đảo thị trường. Thị trường chuyển biến tích cực hơn trong phiên chiều khi lực mua bắt đầu bắt đầu nhập cuộc giúp đã giảm ở phiên sáng thu hẹp. Các mã bluechip như GAS, VCB, MSN là các mã hỗ trợ thị trường mạnh nhất. Khối ngoại bán ròng nhẹ và thanh thanh khoản tiếp tục giảm trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường có phiên điều chỉnh nhẹ do tâm lý chờ đợi các tín hiệu hỗ trợ mới từ cuộc đàm phán thương mại Trung- Mỹ. Nhà đầu tư nên tiếp tục giao dịch thận trọng trong giai đoạn này.

### Phân tích kỹ thuật:

#### PVD\_Xu thế hồi phục

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

**VN-INDEX 887.44**

Giá trị: 1656.58 tỷ **-2.2 (-0.25%)**

Khối ngoại (ròng): -79.45 tỷ

**HNX-INDEX 101.27**

Giá trị: 270.73 tỷ **-0.66 (-0.65%)**

Khối ngoại (ròng): 5.89 tỷ

**UPCOM-INDEX 52.55**

Giá trị: 158.84 tỷ **0.13 (0.25%)**

Khối ngoại(ròng): 2.15 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 48.8    | 0.64%  |
| Giá vàng           | 1,284   | -0.42% |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,203  | 0.03%  |
| Tỷ giá EUR/VND     | 26,587  | -0.12% |
| Tỷ giá JPY/VND     | 21,308  | -0.20% |
| LS liên NH 1 tháng | 0.0%    | 0.00%  |
| LS TPCP 5 năm      | 4.4%    | 0.00%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| GAS     | 26.1    | CTG     | 61.4    |
| PVD     | 19.4    | VIC     | 27.5    |
| VCB     | 18.5    | NVL     | 25.7    |
| VNM     | 14.7    | HPG     | 24.5    |
| MSN     | 12.0    | VJC     | 22.4    |

Nguồn: BSC Research

**Tổng quan thị trường** Trang 1

**Phân tích kỹ thuật** Trang 2

**Danh mục khuyến nghị** Trang 3

**Cổ phiếu lớn** Trang 4

**Thống kê thị trường** Trang 5

**Báo cáo mới nhất** Trang 6

**Khuyến cáo sử dụng** Trang 7

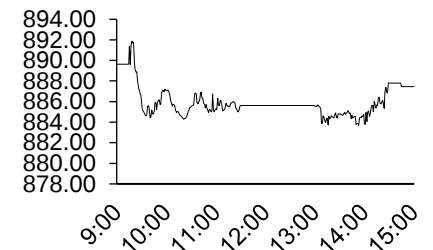
# Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

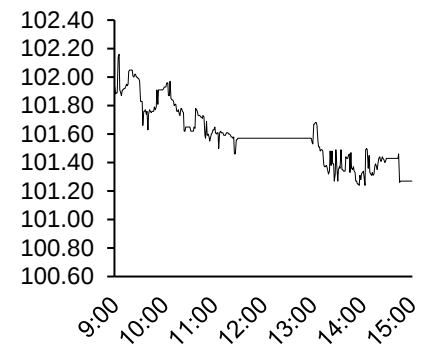
[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1901 | 840.8 | -0.1%  | -1.4%  |
| VN30F1903 | 840.1 | 0.0%   | -12.7% |
| VN30F1903 | 841.0 | 0.0%   | -35.0% |
| VN30F1906 | 841.0 | 0.0%   | -35.0% |

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| MSN | 79  | 1.0       | 0.7      |
| GAS | 88  | 2.3       | 0.3      |
| VCB | 55  | 0.7       | 0.2      |
| FPT | 42  | 0.5       | 0.1      |
| SBT | 20  | 0.3       | 0.0      |

Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| NVL | 58  | -7        | -2.2     |
| HPG | 29  | -2        | -1.0     |
| VNM | 130 | -1        | -0.7     |
| VRE | 28  | -1        | -0.5     |
| MWG | 84  | -1        | -0.4     |

| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                     |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|-----------------------------|
| ROS | 5.3                 | 35.9             | 35             | 44               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài            |
| HPG | 4.0                 | 28.9             | 27             | 31               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài            |
| VCB | 3.1                 | 55.0             | 51             | 58               | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| VCG | 2.7                 | 23.0             | 20             | 25               | NGỪNG BÁN  | Tăng giá kéo dài            |
| MBB | 2.6                 | 18.9             | 18             | 23               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài            |
| VNM | 2.5                 | 130.0            | 120            | 135              | MUA        | Tăng giá kéo dài            |
| GAS | 2.3                 | 88.3             | 82             | 99               | MUA MẠNH   | Giảm giá kéo dài            |
| VIC | 2.2                 | 101.0            | 95             | 104              | NGỪNG BÁN  | Điều chỉnh trong ngắn hạn   |
| PVS | 2.2                 | 17.9             | 16             | 19               | NGỪNG MUA  | Giảm giá kéo dài            |
| PVD | 1.8                 | 15.2             | 14             | 15               | MUA MẠNH   | Giảm giá kéo dài            |

## Phân tích kỹ thuật

PVD\_Xu thế hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dưới đường trung tâm và tiệm cận đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở vùng mua và tiến về kênh Bollinger trên
- Đường MA: Đường MA 150 và MA 100 bắt đầu tăng và MA 50 đi ngang. MA 20 và MA 200 vẫn ở xu hướng giảm

**Nhận định:** Cổ phiếu PVD đang vận động trong kênh giá 13.3 – 16.89. Chỉ báo RSI vận động hướng về kênh Bollinger trên, báo hiệu tín hiệu mua. Chỉ báo MACD đang có xu hướng hồi phục và tiệm cận đường tín hiệu cho thấy PVD bắt đầu có xu hướng hồi phục. Hiện tại, mức giá tăng với thanh khoản đang hồi phục báo hiệu cổ phiếu sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục ngắn hạn và sẽ xác định tín hiệu hồi phục vững chắc trong các phiên tới nếu vượt mốc 15.63.



Created with AmiBroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua  | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|-----------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | REE | 20/7/2018 | 32.70   | 30.00        | -8.3%          | 30.1    | 37.6     |
| 2                 | HT1 | 22/8/2018 | 12.60   | 13.50        | 7.1%           | 11.6    | 14.5     |
| 3                 | PTB | 10/4/2018 | 64.00   | 59.60        | -6.9%          | 58.9    | 73.6     |
| <b>Trung bình</b> |     |           |         |              | <b>-2.7%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 44.60        | 6.4%           | 39.8    | 50.3     |
| 2                 | CTD | 25/12/2018 | 157.6   | 159.90       | 1.5%           | 149.7   | 189.1    |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>4.0%</b>    |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | TCB | 31/10/2018 | 26.9    | 25.1         | -6.7%          | 25.0    | 30.0     |
| 2                 | POW | 12/4/2018  | 15.6    | 16.0         | 2.6%           | 14.4    | 18.7     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>-2.1%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B | NN sở hữu | ROE   |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|-----|-----------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 84.0                    | -1.2%  | 0.7  | 1,572                  | 0.6                        | 6,481        | 13.0 | 4.4 | 49.0%     | 41.2% |
| PNJ | Bán lẻ            | 91.0                    | -0.4%  | 1.0  | 661                    | 0.5                        | 5,428        | 16.8 | 4.4 | 49.0%     | 30.0% |
| BVH | Bảo hiểm          | 88.2                    | -0.5%  | 1.3  | 2,688                  | 0.1                        | 1,728        | 51.1 | 4.2 | 24.8%     | 8.4%  |
| PVI | Bảo hiểm          | 32.0                    | -1.5%  | 0.8  | 322                    | 0.0                        | 2,265        | 14.1 | 1.1 | 43.9%     | 7.8%  |
| VIC | Bất động sản      | 101.0                   | 0.0%   | 1.0  | 14,015                 | 2.2                        | 1,366        | 73.9 | 5.9 | 9.3%      | 10.3% |
| VRE | Bất động sản      | 27.6                    | -1.1%  | 1.1  | 2,795                  | 0.8                        | 646          | 42.7 | 2.5 | 31.4%     | 5.7%  |
| NVL | Bất động sản      | 57.7                    | -6.9%  | 0.8  | 2,334                  | 1.6                        | 2,368        | 24.4 | 3.0 | 7.3%      | 14.2% |
| REE | Bất động sản      | 30.0                    | -0.7%  | 1.1  | 404                    | 0.3                        | 5,068        | 5.9  | 1.1 | 49.0%     | 19.1% |
| DXG | Bất động sản      | 22.5                    | -2.0%  | 1.5  | 342                    | 0.7                        | 3,042        | 7.4  | 1.7 | 48.1%     | 25.9% |
| SSI | Chứng khoán       | 25.7                    | -1.3%  | 1.3  | 569                    | 1.5                        | 2,899        | 8.9  | 1.4 | 58.9%     | 15.8% |
| VCI | Chứng khoán       | 39.0                    | -6.0%  | 1.0  | 276                    | 0.4                        | 4,289        | 9.1  | 2.1 | 41.3%     | 30.5% |
| HCM | Chứng khoán       | 44.6                    | 0.0%   | 1.4  | 251                    | 0.2                        | 6,094        | 7.3  | 1.9 | 61.6%     | 27.8% |
| FPT | Công nghệ         | 42.0                    | 0.5%   | 0.9  | 1,120                  | 0.5                        | 5,322        | 7.9  | 2.2 | 49.0%     | 28.9% |
| FOX | Công nghệ         | 48.1                    | -4.8%  | 0.4  | 473                    | 0.0                        | 3,453        | 13.9 | 3.6 | 0.2%      | 26.5% |
| GAS | Dầu khí           | 88.3                    | 2.3%   | 1.5  | 7,348                  | 2.3                        | 6,473        | 13.6 | 4.0 | 3.4%      | 30.6% |
| PLX | Dầu khí           | 54.1                    | -2.0%  | 1.5  | 2,726                  | 0.8                        | 3,285        | 16.5 | 3.2 | 10.9%     | 19.5% |
| PVS | Dầu khí           | 17.9                    | 0.6%   | 1.7  | 372                    | 2.2                        | 1,747        | 10.2 | 0.8 | 20.5%     | 7.8%  |
| BSR | Dầu khí           | 13.2                    | 0.0%   | 0.8  | 1,779                  | 0.4                        | #N/A         | N/A  | N/A | N/A       | N/A   |
| DHG | Dược              | 74.8                    | -0.3%  | 0.5  | 425                    | 0.2                        | 4,037        | 18.5 | 3.3 | 49.0%     | 18.3% |
| DPM | Hóa chất          | 21.4                    | -2.1%  | 0.8  | 363                    | 0.1                        | 1,492        | 14.3 | 1.0 | 21.6%     | 8.1%  |
| DCM | Hóa chất          | 9.8                     | -0.9%  | 0.7  | 226                    | 0.1                        | 997          | 9.8  | 0.8 | 4.0%      | 8.6%  |
| VCB | Ngân hàng         | 55.0                    | 0.7%   | 1.3  | 8,603                  | 3.1                        | 3,360        | 16.4 | 3.2 | 20.8%     | 20.9% |
| BID | Ngân hàng         | 32.0                    | -0.9%  | 1.6  | 4,756                  | 0.8                        | 2,401        | 13.3 | 2.2 | 3.1%      | 17.4% |
| CTG | Ngân hàng         | 17.9                    | -1.4%  | 1.7  | 2,898                  | 4.4                        | 2,064        | 8.7  | 1.0 | 29.5%     | 11.7% |
| VPB | Ngân hàng         | 19.2                    | -0.5%  | 1.2  | 2,046                  | 0.7                        | 2,820        | 6.8  | 1.6 | 23.2%     | 26.9% |
| MBB | Ngân hàng         | 18.9                    | -0.5%  | 1.3  | 1,771                  | 2.6                        | 2,366        | 8.0  | 1.3 | 20.0%     | 17.4% |
| ACB | Ngân hàng         | 28.5                    | -0.7%  | 1.2  | 1,545                  | 1.1                        | 3,498        | 8.1  | 1.8 | 34.3%     | 25.0% |
| BMP | Nhựa              | 49.1                    | -0.3%  | 0.9  | 175                    | 0.1                        | 5,586        | 8.8  | 1.6 | 76.8%     | 18.5% |
| NTP | Nhựa              | 42.5                    | 4.9%   | 0.4  | 165                    | 0.0                        | 3,938        | 10.8 | 1.8 | 23.0%     | 16.6% |
| MSR | Tài nguyên        | 18.0                    | -1.1%  | 1.2  | 704                    | 0.0                        | 229          | 78.7 | 1.4 | 2.1%      | 1.8%  |
| HPG | Thép              | 28.9                    | -1.7%  | 1.0  | 2,664                  | 4.0                        | 4,334        | 6.7  | 1.6 | 39.2%     | 26.7% |
| HSG | Thép              | 6.4                     | 0.3%   | 1.5  | 108                    | 0.4                        | 1,065        | 6.0  | 0.5 | 15.7%     | 8.0%  |
| VNM | Tiêu dùng         | 130.0                   | -0.8%  | 0.7  | 9,843                  | 2.5                        | 4,997        | 26.0 | 8.9 | 59.3%     | 35.2% |
| SAB | Tiêu dùng         | 244.0                   | 0.0%   | 0.8  | 6,803                  | 0.1                        | 6,902        | 35.3 | 9.4 | 9.8%      | 28.5% |
| MSN | Tiêu dùng         | 79.0                    | 1.0%   | 1.2  | 3,995                  | 1.0                        | 5,416        | 14.6 | 4.7 | 40.3%     | 30.9% |
| SBT | Tiêu dùng         | 20.3                    | 0.2%   | 0.6  | 437                    | 0.6                        | 869          | 23.4 | 1.7 | 11.1%     | 11.3% |
| ACV | Vận tải           | 87.8                    | 2.7%   | 0.8  | 8,311                  | 0.2                        | 1,883        | 46.6 | 7.0 | 3.6%      | 15.9% |
| VJC | Vận tải           | 115.0                   | -0.9%  | 1.1  | 2,708                  | 1.1                        | 9,463        | 12.2 | 5.9 | 23.3%     | 67.1% |
| HVN | Vận tải           | 35.5                    | 0.0%   | 1.7  | 1,895                  | 0.9                        | 1,727        | 20.6 | 2.9 | 9.4%      | 14.6% |
| GMD | Vận tải           | 25.7                    | -0.2%  | 0.9  | 331                    | 0.3                        | 6,311        | 4.1  | 1.3 | 49.0%     | 30.8% |
| PVT | Vận tải           | 15.9                    | -0.6%  | 0.7  | 195                    | 0.1                        | 2,165        | 7.3  | 1.2 | 33.3%     | 16.7% |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 65.8                    | 0.8%   | 1.0  | 449                    | 0.9                        | 5,620        | 11.7 | 3.7 | 2.5%      | 43.2% |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 18.0                    | -1.1%  | 0.9  | 351                    | 0.8                        | 1,179        | 15.3 | 1.3 | 24.6%     | 8.7%  |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 13.5                    | -0.7%  | 0.8  | 224                    | 0.1                        | 1,599        | 8.4  | 1.0 | 5.7%      | 12.2% |
| CTD | Xây dựng          | 159.9                   | -0.1%  | 0.8  | 544                    | 0.2                        | 20,202       | 7.9  | 1.5 | 46.2%     | 21.1% |
| VCG | Xây dựng          | 23.0                    | 0.0%   | 1.2  | 442                    | 2.7                        | 2,384        | 9.6  | 1.6 | 0.0%      | 17.6% |
| CII | Xây dựng          | 24.5                    | -3.9%  | 0.6  | 264                    | 0.5                        | 332          | 73.7 | 1.2 | 56.4%     | 1.7%  |
| POW | Điện              | 16.0                    | 0.0%   | 0.6  | 1,629                  | 4.5                        | 1,026        | 15.6 | 1.4 | 73.0%     | 9.1%  |
| NT2 | Điện              | 25.5                    | -1.5%  | 0.6  | 319                    | 0.1                        | 2,874        | 8.9  | 2.0 | 21.9%     | 19.8% |

## Thống kê thị trường

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index**

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| GAS | 88.30  | 2.32 | 1.19     | 600270.00 |
| VCB | 55.00  | 0.73 | 0.45     | 1.32MLN   |
| MSN | 79.00  | 1.02 | 0.29     | 279810.00 |
| BHN | 83.30  | 2.84 | 0.17     | 20.00     |
| YEG | 249.90 | 6.34 | 0.14     | 13770.00  |

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index**

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| NVL | 57.70  | -6.94 | -1.21    | 621630.00 |
| VNM | 130.00 | -0.76 | -0.54    | 448350.00 |
| PLX | 54.10  | -1.99 | -0.44    | 352050.00 |
| HPG | 28.85  | -1.70 | -0.33    | 3.15MLN   |
| BID | 32.00  | -0.93 | -0.32    | 558540.00 |

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX**

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| MCP | 23.00 | 6.98 | 0.01     | 1010.00   |
| FIT | 2.61  | 6.97 | 0.01     | 354090.00 |
| VSI | 26.95 | 6.94 | 0.01     | 10.00     |
| HVG | 5.40  | 6.93 | 0.03     | 1.43MLN   |
| TIX | 31.85 | 6.88 | 0.02     | 50.00     |

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX**

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| LAF | 5.34  | -6.97 | 0.00     | 10.00     |
| SSC | 64.20 | -6.96 | -0.02    | 10.00     |
| NVL | 57.70 | -6.94 | -1.21    | 621630.00 |
| SJF | 6.04  | -6.93 | -0.01    | 69940.00  |
| VPS | 9.96  | -6.92 | -0.01    | 1020.00   |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index**

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| NTP | 42.50 | 4.94 | 0.06     | 6800.00   |
| PVS | 17.90 | 0.56 | 0.02     | 2.78MLN   |
| VCS | 65.80 | 0.77 | 0.02     | 331500.00 |
| DP3 | 91.80 | 4.44 | 0.02     | 19400.00  |
| L14 | 35.00 | 4.48 | 0.02     | 92300.00  |

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index**

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| ACB | 28.50 | -0.70 | -0.25    | 845700.00 |
| SHB | 7.00  | -2.78 | -0.21    | 1.69MLN   |
| DBC | 22.00 | -9.09 | -0.12    | 7200.00   |
| OCH | 5.50  | -9.84 | -0.06    | 75000.00  |
| VGC | 18.00 | -1.10 | -0.04    | 974100.00 |

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX**

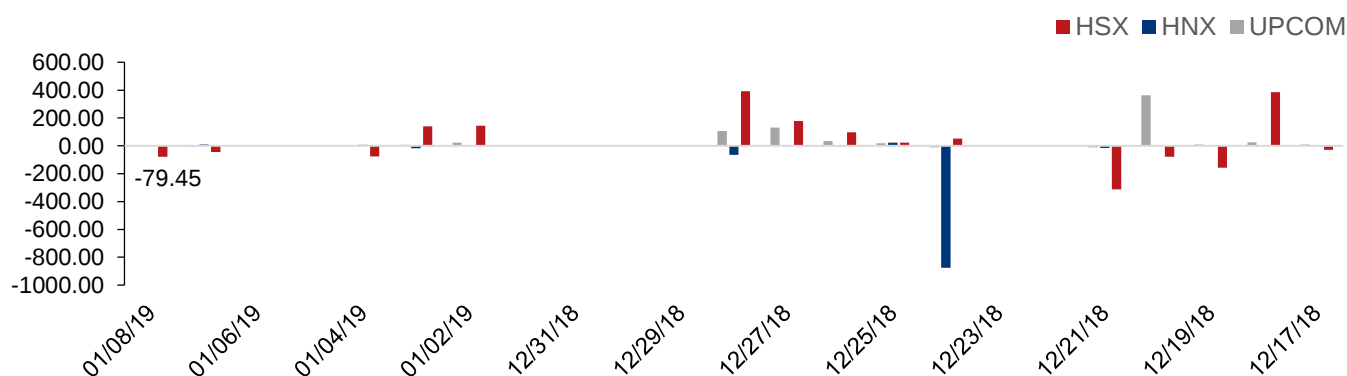
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| NHP | 0.80  | 14.29 | 0.00     | 141900.00 |
| DCS | 0.90  | 12.50 | 0.01     | 35400.00  |
| HKB | 0.90  | 12.50 | 0.00     | 11100.00  |
| BST | 51.10 | 9.66  | 0.00     | 100.00    |
| MAC | 8.00  | 9.59  | 0.01     | 200.00    |

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX**

| CK  | Giá    | %      | Index pt | KLGD     |
|-----|--------|--------|----------|----------|
| BII | 0.80   | -11.11 | -0.01    | 29400.00 |
| TET | 31.50  | -10.00 | 0.00     | 1800.00  |
| WCS | 123.30 | -10.00 | -0.01    | 100.00   |
| VGP | 20.10  | -9.87  | -0.01    | 200.00   |
| LBE | 11.90  | -9.85  | 0.00     | 100.00   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                  | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| ### | BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11         | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1     | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| ### | CSM | Cao su       | Nắm giữ     | 14/03/2018      | 14.7                | 17.0         | 14.9         | 157    | 94.7 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | NT2 | Điện         | Nắm giữ     | 3/12/2018       | 29.3                | 30.2         | 25.5         | 2,874  | 8.9  | 2.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | EIB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 15.0                | 17.3         | 14.0         | 1,102  | 12.7 | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | VIS | Thép         | Theo dõi    | 13/03/2018      | 34.7                | 43.0         | 25.9         | -2,092 | #N/A | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 46.8                | 55.8         | 28.5         | 3,498  | 8.1  | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | VSC | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/8/2018        | 42.1                | 45.4         | 40.1         | 5,746  | 7.0  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | DIG | Bất động sản | Mua         | 3/8/2018        | 27.3                | 36.6         | 15.4         | 1,087  | 14.2 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/5/2018        | 18.0                | 20.2         | 15.9         | 2,165  | 7.3  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | HPG | Thép         | Mua         | 3/1/2018        | 66.7                | 79.3         | 28.9         | 4,334  | 6.7  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | DXG | Bất động sản | Mua mạnh    | 2/12/2018       | 28.2                | 40.0         | 22.5         | 3,042  | 7.4  | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | TNG | Dệt may      | Mua         | 16/01/2018      | 15.5                | 18.1         | 16.3         | 3,200  | 5.1  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | CSV | Cao su       | Mua         | 12/6/2017       | 34.3                | 42.0         | 28.5         | 5,796  | 4.9  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | FPT | Công nghệ    | Mua         | 15/11/2017      | 56.9                | 70.2         | 42.0         | 5,322  | 7.9  | 2.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 13/11/2017      | 43.1                | 45.0         | 55.0         | 3,360  | 16.4 | 3.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | PVS | Dầu khí      | Mua         | 11/8/2017       | 16.1                | 17.5         | 17.9         | 1,747  | 10.2 | 0.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 11/3/2017       | 22.6                | 26.0         | 18.9         | 2,366  | 8.0  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | CTD | Xây dựng     | Mua         | 11/3/2017       | 225.0               | 254.3        | 159.9        | 20,202 | 7.9  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | HAG | Nông nghiệp  | Mua         | 11/2/2017       | 8.0                 | 14.6         | 4.8          | -370   | #N/A | 0.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 24/10/2017      | 134.1               | 167.5        | 82.2         | 18,132 | 4.5  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| ### | PNJ | Bán lẻ       | Mua         | 23/10/2017      | 109.0               | 132.0        | 91.0         | 5,428  | 16.8 | 4.4 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

